

NGHỊ ĐỊNH
CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 36/1999/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 6 NĂM 1999
QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG VÙNG LÃNH HẢI, VÙNG TIẾP GIÁP LÃNH HẢI,
VÙNG ĐẶC QUYỀN KINH TẾ VÀ THỀM LỤC ĐỊA CỦA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam ngày 28 tháng 3 năm 1998;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính cũng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 2. Trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trong các lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tài nguyên khoáng sản, hành vi vận chuyển trái phép người và vận chuyển mua bán trái phép hàng hóa, vũ khí, chất nổ, chất ma túy và các chất kích thích, các hành vi buôn lậu và các hành vi vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực khác có liên quan. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thì xử phạt theo thẩm quyền, nếu không thuộc thẩm quyền thì phải lập biên bản và chuyển cho Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác xử phạt theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trong vùng nội thủy, khi có yêu cầu, Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trợ giúp các lực lượng chuyên ngành khác thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm các hoạt động trên biển thực hiện đúng các quy định của pháp luật; trường hợp Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam chủ động phát hiện các hành vi vi phạm hành chính thì phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thông báo và chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính.

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định này tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính khác được áp dụng theo các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 3 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện; thời hạn trên được tính là hai năm đối với vi phạm hành chính trong các lĩnh vực môi trường, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, các hành vi buôn lậu, buôn bán hàng giả; nếu quá các thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng có thể bị áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 11 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

2. Các quy định khác về thời hiệu áp dụng các khoản 2 và 3 Điều 9 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

3. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu quá một năm, kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này được áp dụng theo Chương II Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

CHƯƠNG II
HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI CÁC
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
MỤC I

VI PHẠM VỀ AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN TRÊN BIỂN

Điều 8. Xử phạt đối với vi phạm của tàu thuyền nước ngoài có một trong các hành vi sau đây:

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dừng lại hoặc neo đậu trái phép trong lãnh hải Việt Nam.

2. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xả khói mù, bắn các loại súng, phóng các tín hiệu hoặc sử dụng các vật liệu nổ trong vùng lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam vào bất cứ mục đích gì, trừ trường hợp bắn đạn tín hiệu cấp cứu và bắn súng chào;

b) Gây cản trở cho các hoạt động giao thông hàng hải, các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng hải sản, các hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác các nguồn lợi biển.

3. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Gây nhiễu đối với hệ thống thông tin liên lạc, các loại máy, thiết bị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Sử dụng trái phép các loại máy ra đa, máy phát sóng siêu âm, máy quan trắc, máy đo đạc, các khí tài lặn và các loại máy khác để khảo sát thăm dò tình hình địa lý, khí tượng thủy văn, chất đáy, độ sâu hoặc bất kể mục tiêu thăm dò nào khác trong lãnh hải Việt Nam;

c) Không đưa toàn bộ các vũ khí cố định và lưu động trên tàu về tư thế bảo quản khi tàu thuyền có trang bị vũ khí vào vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng lãnh hải Việt Nam;

d) Không áp dụng các biện pháp chuyên môn phòng ngừa nguy hiểm và độc hại hoặc không cung cấp cho các nhà chức trách Việt Nam các tài liệu kỹ thuật về các chất phóng xạ, các chất nguy hiểm hay độc hại có ở trên tàu khi được yêu cầu đối với tàu chạy bằng năng lượng nguyên tử và các tàu thuyền chở các chất phóng xạ, chuyên chở hoặc sử dụng các chất nguy hiểm hay độc hại được phép đi qua vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng lãnh hải Việt Nam;

e) Đưa người ra khỏi tàu thuyền hoặc đưa người xuống tàu thuyền không theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh; chứa chấp, đồng lõa, bao che hoặc tiếp tay cho những người vi phạm pháp luật của Việt Nam trong vùng lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2; điểm a và b khoản 3 Điều này;

b) Buộc người và phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này rời khỏi vùng nước đang hoạt động hoặc rời khỏi vùng biển Việt Nam.

Điều 9. Xử phạt đối với hành vi vi phạm của tàu thuyền đánh cá nước ngoài đi lại trong các vùng biển Việt Nam.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thu cất lưới hoặc các dụng cụ đánh bắt khác;

b) Không đưa về trạng thái bảo quản tất cả các loại máy thăm dò, phát hiện, dụ dẫn cá.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu tái phạm một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biển Việt Nam.

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nghiên cứu khoa học không đúng với địa điểm được phép nghiên cứu.

2. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mang theo vũ khí, đạn dược, chất nổ, phương tiện trinh sát, các chất độc hại.

3. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đặt, sử dụng các thiết bị hay dụng cụ, các công trình nghiên cứu mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc phải tháo dỡ các công trình, thiết bị, dụng cụ và có thể bị thu hồi giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động đối với vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 11. Xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực an ninh, trật tự trên biển được áp dụng theo quy định tại Điều 18, trừ điểm b khoản 2 Nghị định số 49/CP ngày 15 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Điều 12. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, được áp dụng theo quy định tại Điều 21, trừ các điểm b và c khoản 1, điểm d khoản 2 Nghị định số 49/CP ngày 15 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ.

Điều 13. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về phòng chống và kiểm soát ma túy được áp dụng theo quy định tại Điều 22, trừ khoản 2; các điểm a, b, c, g và h khoản 3; các điểm b, c và e khoản 4 Nghị định số 49/CP ngày 15 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ.

Điều 14. Xử phạt đối với hành vi vi phạm trong sử dụng, điều khiển phương tiện, hoạt động kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có hộ chiếu thuyền viên;

b) Không có chứng chỉ chuyên môn hàng hải của thuyền viên.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ tàu theo đúng quy định của pháp luật khi tàu đã được chuyển dịch sở hữu;

c) Hành nghề kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải không có giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn;

d) Kinh doanh không đúng với nội dung, phạm vi được quy định trong giấy phép;

e) Không thực hiện đúng các quy định doanh nghiệp đã đăng ký (luồng tuyến, vùng hoạt động, tên tàu);

g) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng đến 3 tháng các giấy chứng nhận chuyên môn hoặc giấy phép hoạt động hàng hải đối với vi phạm quy định tại các điểm b và e khoản 2 Điều này.

Điều 15. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về an toàn sinh mạng người và tàu.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tàu không có bảng quy định nhiệm vụ cứu sinh đặt tại các vị trí cần thiết;

b) Tàu không có các bảng chỉ dẫn thao tác các thiết bị cứu sinh;

c) Không có bảng phân công về cứu sinh, cứu đảm đối với từng thuyền viên trên tàu và các nơi công cộng trên tàu;

d) Không có đầy đủ các trang bị cứu sinh theo quy định;

e) Các trang bị cứu sinh không bảo đảm chất lượng tốt, không bảo đảm sẵn sàng hoạt động được ngay.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thuyền viên không có đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn theo quy định;

b) Tàu không có đủ biên chế an toàn tối thiểu theo quy định;

c) Người được bố trí đảm nhiệm chức danh không đúng với tên người đã đăng ký trong sổ danh bạ thuyền viên;

d) Không có nhật ký tàu hoặc sử dụng nhật ký tàu sai quy định;

e) Không có số hiệu đăng ký của phương tiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Các trang bị cứu sinh đã hết hạn sử dụng;

b) Không có các trang bị cứu sinh.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng có thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng hoặc không thời hạn giấy phép hoạt động hàng hải của tàu, giấy chứng nhận về huấn luyện an toàn cơ bản đối với vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 16. Xử phạt đối với hành vi chở hàng hóa, hành khách quá trọng tải cho phép.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng trên mỗi hành khách vượt số lượng quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa quá trọng tải cho phép.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 700.000 đồng trên mỗi hành khách đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp tái phạm.

Điều 17. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về an toàn phòng chống cháy nổ với tàu thuyền.

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Các trang bị cứu hỏa không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động;
- Không có các dấu hiệu cảnh báo hoặc chỉ dẫn cần thiết ở những nơi dễ cháy, dễ nổ;
- Không có sơ đồ hệ thống cứu hỏa, bảng phân công cứu hỏa và bảng chỉ dẫn thao tác trên tàu.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy;
- Không trang bị đầy đủ các trang bị cứu hỏa theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia;
- Các bình cứu hỏa xách tay không còn hoạt động được;
- Các trang bị cứu hỏa không đặt đúng nơi quy định trên tàu;
- Thuyền viên trên tàu không sử dụng thành thạo các trang bị cứu hỏa;
- Không có kế hoạch ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp.

Điều 18. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy tắc bảo đảm an toàn hàng hải.

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện vi phạm quy tắc hành trình sau đây:

- Không sử dụng hoặc sử dụng không đúng các loại tín hiệu theo quy định;
- Không thực hiện đúng các quy tắc về tránh va trên biển.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không đặt dấu hiệu báo hiệu khi phương tiện hoặc các vật cản khác bị chìm đắm tạo thành vật chướng ngại trên biển;
- Không đặt dấu hiệu báo hiệu các đảo nhân tạo hoặc các công trình trên biển;
- Làm dịch chuyển hoặc làm mất tác dụng của báo hiệu hàng hải.

3. áp dụng các biện pháp khác:

Buộc đặt ngay báo hiệu đối với vi phạm quy định tại các điểm a và b khoản 2; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 điều này.

Điều 19. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông trên biển.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Cho phương tiện khác bám, buộc sai quy định vào phương tiện của mình khi tàu đang hành trình;
- Sử dụng phương tiện lai dắt không đúng chức năng;
- Tàu khách không có nội quy hoặc để người ngồi trên mui hoặc hai bên mạn tàu;
- Xếp hàng hóa không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Chở hàng hóa độc hại, các chất dễ gây cháy, nổ cùng với hành khách;
- Lắp biển số giả khi lưu hành phương tiện.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng có thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng hoặc không thời hạn bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng đối với vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 20. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về tìm kiếm cứu nạn.

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện nghĩa vụ theo quy định về tìm kiếm cứu nạn hàng hải.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh điều động không có lý do chính đáng hoặc thiếu trách nhiệm khi thực hiện lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về trục vớt tài sản chìm đắm ở biển.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đúng khi phát hiện tài sản chìm đắm ở biển.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm các quy định về trục vớt hoặc bảo quản, giải quyết tài sản chìm đắm ở biển.

3. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm các quy định về trục vớt hoặc mua bán các hiện vật khảo cổ và lịch sử trên vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 điều này.

MỤC II

VI PHẠM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN

Điều 22. Xử phạt đối với hành vi vi phạm về xả các chất thải và các chất độc hại.

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thải dầu mỡ, hóa chất độc hại, chất phóng xạ vượt quá giới hạn cho phép trên các vùng biển;

b) Xả các loại rác, nước bẩn, cặn bẩn, nước thải có lẫn dầu và các chất độc hại khác từ trên tàu xuống biển trong những khu vực cấm, khu vực hạn chế;

c) Xả các chất thải và các chất độc hại trên biển không theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm.

3. Phạt tiền từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng.

4. Áp dụng các biện pháp khác:

Buộc bồi thường thiệt hại; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; tạm giữ phương tiện vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2 và 3 điều này.

Điều 23. Xử phạt đối với hành vi vi phạm về vận chuyển chất độc hại.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có tài liệu về các chất độc hại;

b) Không có giấy phép vận chuyển các chất độc hại;

c) Không áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm.

3. Phạt tiền từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng.

4. Áp dụng các biện pháp khác:

Buộc phương tiện vi phạm rời khỏi vùng nước đang hoạt động hoặc rời khỏi vùng biển Việt Nam.

Điều 24. Xử phạt đối với hành vi vi phạm về khai thác, kinh doanh động thực vật quý hiếm thuộc danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản công bố được áp dụng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

Điều 25. Xử phạt đối với hành vi vi phạm về phòng tránh sự cố môi trường trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí được áp dụng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ.

Điều 26. Xử phạt đối với hành vi vi phạm trong việc khắc phục hậu quả sự cố môi trường được áp dụng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ.

MỤC III

VI PHẠM VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 27. Xử phạt đối với hành vi vi phạm về sử dụng giấy phép, bao gồm không có giấy phép, giấy phép giả, giấy phép do cơ quan không đúng thẩm quyền cấp.

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện có trọng tải dưới 50 tấn.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện có trọng tải từ 50 tấn đến 100 tấn.

3. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với phương tiện có trọng tải từ trên 100 tấn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ hải sản, sản phẩm thủy sản chế biến, ngư cụ dùng để đánh bắt hải sản trái phép.

Điều 28. Xử phạt đối với hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường sống và bảo vệ các loài thủy sản, về quản lý khai thác thủy sản, về quản lý tàu thuyền đánh cá được áp dụng theo quy định tại các Điều 4 và 5; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 6; các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 48/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Điều 29. Xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động nghề cá đối với người và phương tiện nước ngoài được áp dụng theo quy định tại các Điều 16, 17 và 18 Nghị định số 49/CP ngày 13 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ.

MỤC IV

VI PHẠM TRONG CÁC LĨNH VỰC KHÁC

Điều 30. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về trao đổi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới được áp dụng theo Điều 8 Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/CP ngày 20 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

Điều 31. Xử phạt đối với hành vi khai man, trốn thuế được áp dụng theo Điều 3; việc tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được áp dụng theo Điều 6 Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Điều 32. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; vi phạm của chủ phương tiện vận tải được áp dụng theo các khoản 2 và 3 Điều 14; điểm a Điều 21 Nghị định số 01/CP ngày 03 tháng 01 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

Điều 33. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về khảo sát, thăm dò, khai thác, quản lý khoáng sản được áp dụng theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 8 Nghị định số 35/CP ngày 23 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoáng sản.

Điều 34. Xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính khác trên các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam thuộc thẩm quyền của Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được áp dụng theo các quy định của pháp luật xử phạt hành chính có liên quan của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 35. Những người sau đây có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

1. Cảnh sát viên Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Tổ trưởng tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng;
- c) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 500.000 đồng.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- c) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 1.000.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh;

g) Tiêu hủy văn hóa phẩm độc hại, những vật phẩm độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

6. Chỉ huy trưởng vùng Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh;
- g) Tiêu hủy văn hóa phẩm độc hại, những vật phẩm độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép theo thẩm quyền, trừ trường hợp giấy phép do cơ quan Nhà nước cấp trên cấp thì ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm và đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- e) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh;
- g) Buộc khôi phục lại tình trạng đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;
- h) Buộc tàu thuyền và thuyền viên nước ngoài rời khỏi vùng biển Việt Nam;
- i) Tiêu hủy văn hóa phẩm độc hại, những vật phẩm độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương do mình quản lý đối với các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định này.

Trường hợp những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này vắng mặt hoặc được sự ủy quyền của họ thì cấp phó của những người đó có thẩm quyền xử phạt theo thẩm quyền của họ.

Điều 36. Thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính.

1. Những người sau đây có quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính:

- a) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;
- b) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển;
- c) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển;
- d) Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển;
- e) Cục trưởng Cục Cảnh sát biển.

2. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 38 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

3. Khi áp dụng các biện pháp này người có thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại các Điều 39, 41, 42, 43 và 44 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

4. Trường hợp những người quy định tại khoản 1 Điều này vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì cấp phó của họ có quyền quyết định.

Điều 37. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Chương VI Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn chi tiết về thủ tục nộp phạt, việc thu, quản lý và sử dụng tiền thu từ việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này.

CHƯƠNG IV KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1. Tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định này hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan, người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp phải tháo dỡ công trình xây dựng.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này của các tổ chức, cá nhân khác theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

3. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Điều 39. Xử lý vi phạm.

1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Nghị định này mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính nếu có hành vi cản trở, chống đối người thi hành công vụ có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, xử phạt hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 41. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Cảnh sát biển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.